CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

HÀ NỘI, THÁNG 8 - NĂM 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 23 tháng 04 năm 2021)
Ông Phương Thành Long	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 23 tháng 04 năm 2021)
Ông Nguyễn Minh Tùng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 29 tháng 01 năm 2021)
Ông Cao Hoài Thanh	Thành viên
Ông Phạm Thanh Tùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Thanh	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trọng Bình	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Đình Vũ	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Thanh Trí	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 20 tháng 01 năm 2021)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,
CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Cao Hoài Thanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 567 /BCTC/TC/NV8

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 kèm theo của Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty"), *được lập ngày 02 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 29*, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

M.S.D.N: 0102051094 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0373-2018-126-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế
mgiworldwide

Mẫu số B 01a-CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**26.480.162.684**	**24.583.473.451**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**12.680.579.471**	**4.183.208**
1. Tiền	111	V.1.	12.680.579.471	4.183.208
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.2.**	**9.111.627.637**	**11.410.401.937**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.301.895.765	13.292.569.305
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.190.268.128)	(1.882.167.368)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.865.399.083**	**4.870.528.983**
1. Phải thu khách hàng	131	VII.4.1	49.500.000	1.900.000.000
2. Trả trước cho người bán	132	VII.4.2	613.100.000	615.600.000
3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	2.176.823.520	2.345.933.195
4. Các khoản phải thu khác	135	V.4.	25.975.563	8.995.788
IV. Hàng tồn kho	**140**		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.822.556.493**	**8.298.359.323**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VII.4.3	3.178.500	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	315.092.582	315.092.582
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.4.4	1.504.285.411	7.983.266.741
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	**200**		**29.087.878**	**36.100.640**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	-	-
- *Nguyên giá*	*222*		*78.681.200*	*78.681.200*
- *Giá trị hao mòn luỹ kế*	*223*		*(78.681.200)*	*(78.681.200)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	-
- *Nguyên giá*	228		*99.000.000*	*99.000.000*
- *Giá trị hao mòn luỹ kế*	229		*(99.000.000)*	*(99.000.000)*
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**29.087.878**	**36.100.640**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	29.087.878	36.100.640
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**26.509.250.562**	**24.619.574.091**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

Mẫu số B 01a-CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**561.410.998**	**636.550.278**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**530.151.379**	**605.290.659**
1. Phải trả người bán	312	VII.4.5	15.266.725	13.950.000
2. Người mua trả tiền trước	313	VII.4.6	38.500.000	38.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	247.699.728	69.568.957
4. Phải trả người lao động	315		-	101.130.492
5. Chi phí phải trả	316	V.10.	32.215.993	147.023.350
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11.	49.315.167	113.835.957
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		10.194.294	10.194.294
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328	VII.4.7	136.959.472	111.087.609
II. Nợ dài hạn	**330**		**31.259.619**	**31.259.619**
1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		31.259.619	31.259.619
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	**400**		**25.947.839.564**	**23.983.023.813**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		947.839.564	(1.016.976.187)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**26.509.250.562**	**24.619.574.091**

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hương Giang	Dư Đức Ninh	Cao Hoài Thanh

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	V.12.	14.183.619.830	14.183.619.830
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ	006		8.677.840.000	11.467.830.000
Trong đó:				
6.1 Chứng khoán giao dịch	*007*		*8.677.840.000*	*11.467.830.000*
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	*008*		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	*009*		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	*010*		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	*011*		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	*012*		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	*013*		-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	*014*		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	*015*		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	V.13.	1.529.402.825	1.149.505.515
- *Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước*	*031*		*384.002.501*	*281.857.405*
- *Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài*	*032*		*1.145.400.324*	*867.648.110*
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.14.	503.877.628.199	314.682.223.795
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	*041*		*500.367.935.967*	*310.910.897.414*
9.2 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	*042*		*3.509.692.232*	*3.771.326.381*
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.15.	44.647.980.877	40.045.741.561
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.16.	2.546.528.792	2.535.670.765

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hương Giang	Dư Đức Ninh	Cao Hoài Thanh

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu	**01**	**VI.1.**	**3.830.962.403**	**123.529.301**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	**10**		**3.830.962.403**	**123.529.301**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2.	1.528.588.191	1.317.266.818
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	**20**		**2.302.374.212**	**(1.193.737.517)**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	301.850.788	12.377.641
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	(685.973.280)	1.569.075.144
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.4.7	1.305.478.963	913.810.840
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}	**30**		**1.984.719.317**	**(3.664.245.860)**
10. Thu nhập khác	31	VII.4.9	3.240.000	-
11. Chi phí khác	32	VII.4.10	23.143.566	96.377.000
12. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	**40**		**(19.903.566)**	**(96.377.000)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**1.964.815.751**	**(3.760.622.860)**
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5.	-	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**1.964.815.751**	**(3.760.622.860)**
17. Lãi trên cổ phiếu	**70**	**VII.4.11**	**785,93**	**(1.504,25)**

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hương Giang	Dư Đức Ninh	Cao Hoài Thanh

Mẫu số B 03a - CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		9.340.732.096	16.768.575.784
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(1.009.195.824)	(8.871.765.763)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.235.758.128)	(1.164.369.399)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.745.321.439	1.996.558.050
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(165.027.648)	(2.129.609.177)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***12.676.071.935***	***6.599.389.495***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
2. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		324.328	700.387.222
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***324.328***	***700.387.222***
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**		**12.676.396.263**	**7.299.776.717**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**4.183.208**	**172.038.782**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**V.1.**	**12.680.579.471**	**7.471.815.499**

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hương Giang	Dư Đức Ninh	Cao Hoài Thanh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
		Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
1. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VI.12	(1.016.976.187)	(1.213.460.320)	1.964.815.751	(3.760.622.860)	947.839.564	(4.974.083.180)
Cộng		**23.983.023.813**	**23.786.539.680**	**1.964.815.751**	**(3.760.622.860)**	**25.947.839.564**	**20.025.916.820**

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hương Giang	Dư Đức Ninh	Cao Hoài Thanh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

Mẫu số B 09a - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 35/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/03/2009. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 06 lần được cấp bổ sung Giấy phép điều chỉnh về những việc: bổ sung nghiệp vụ hoạt động kinh doanh, thay đổi trụ sở văn phòng, thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi tên tiếng Anh của Công ty.

Theo Giấy phép số 35/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/03/2009 thì vốn điều lệ của Công ty là: **25.000.000.000 VND** *(Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).*

Theo Giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung ngày 06/07/2020 thì Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính về Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán./.

Trụ sở chính của Công ty tại:

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

4. Tổng số nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 22 nhân viên đang làm việc (số đầu kỳ là 23 nhân viên).

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 7 nhân viên (số đầu kỳ là 7 nhân viên).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Mẫu số B 09a - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán ASOFT.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền gửi hoạt động của Công ty quản lý quỹ

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Tiền gửi của người ủy thác đầu tư

Các khoản tiền gửi của người ủy thác đầu tư được theo dõi riêng và trình bày ở tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ.

Mẫu số B 09a - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Khi giá trị thuần của có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp giá bình quân.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty và người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận vào tài khoản ngoài bảng các khoản mục tiêu liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư.

4. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu các hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Mẫu số B 09a - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải thu hoạt động nghiệp vụ phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do chủ nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

5.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Quản lý quỹ, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gồm:

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao <năm>*
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03

5.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Quản lý quỹ, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là chi phí gia hạn chữ ký số FPT 3 năm và công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ, được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản trích trước chi phí quản lý tòa nhà, tiền xăng xe, tiền điện, tiền điện thoại, bảo trì máy tính, bảo trì thang máy và thuê xe.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Mẫu số B 09a - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước phí quản lý đầu tư do khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán, được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng và số tiền khách hàng đã trả. Việc phân bổ từng tháng căn cứ vào số phí quản lý đầu tư được xác định dựa trên quy định của hợp đồng quản lý đầu tư.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí dự phòng/hoàn nhập giảm giá đầu tư chứng khoán và chi phí tài chính khác.

Mẫu số B 09a - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

1. Tiền

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	11.365.510.273	2.708.661
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.315.069.198	1.474.547
Cộng	**12.680.579.471**	**4.183.208**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	30/06/2021				01/01/2021			
	VND				VND			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết	**867.784**	**9.301.895.765**	**9.112.507.000**	**(190.268.128)**	**1.146.783**	**12.292.569.305**	**11.410.933.200**	**(882.167.368)**
Công ty CP SAM Holdings	867.774	9.301.895.128	9.111.627.000	(190.268.128)	1.146.774	12.292.568.668	11.410.401.300	(882.167.368)
Công ty CP FPT	10	637	880.000	-	9	637	531.900	-
Cổ phiếu chưa niêm yết (OTC)	**50.000**	**1.000.000.000**	**-**	**(1.000.000.000)**	**50.000**	**1.000.000.000**	**-**	**(1.000.000.000)**
Công ty CP Thiết bị tổng hợp máy văn phòng Sara (*)	50.000	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	50.000	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Cộng	**917.784**	**10.301.895.765**	**9.112.507.000**	**(1.190.268.128)**	**1.196.783**	**13.292.569.305**	**11.410.933.200**	**(1.882.167.368)**

(*): Công ty CP Thiết bị tổng hợp máy văn phòng Sara đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế ngày 26/04/2013.

Mẫu số B 09a - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP Sản xuất kinh doanh dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ	352.858.458	414.838.043
Công ty CP Sản xuất kinh doanh dược và Trang thiết bị y tế Phú Thọ	254.865.102	299.841.297
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm và Môi trường Cần Thơ	318.564.113	374.781.309
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	4.876	4.876
Nguyễn Thị Mỹ Phúc	819.464.690	819.464.690
Các đối tượng khác	431.066.281	437.002.980
Cộng	**2.176.823.520**	**2.345.933.195**

4. Các khoản phải thu khác

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn		
Phải thu khác	***25.975.563***	***8.995.788***
Các khoản phải thu khác	25.975.563	8.995.788
Cộng	**25.975.563**	**8.995.788**

5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	315.092.582	315.092.582
Cộng	**315.092.582**	**315.092.582**

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2021	**78.681.200**	**78.681.200**
Số dư ngày 30/06/2021	**78.681.200**	**78.681.200**
Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số dư ngày 01/01/2021	**78.681.200**	**78.681.200**
Số dư ngày 30/06/2021	**78.681.200**	**78.681.200**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Giá trị còn lại		
Số dư ngày 01/01/2021	-	-
Số dư ngày 30/06/2021	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 78.681.200 đồng.

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2021	**99.000.000**	**99.000.000**
Số dư ngày 30/06/2021	**99.000.000**	**99.000.000**
Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số dư ngày 01/01/2021	**99.000.000**	**99.000.000**
Số dư ngày 30/06/2021	**99.000.000**	**99.000.000**
Giá trị còn lại		
Số dư ngày 01/01/2021	-	-
Số dư ngày 30/06/2021	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 99.000.000 đồng.

8. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí chữ ký số FPT	2.341.750	2.907.000
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	26.746.128	33.193.640
Cộng	**29.087.878**	**36.100.640**

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Thuế GTGT đầu ra	9.000.000	-
Thuế Thu nhập cá nhân	238.699.728	69.568.957
Cộng	**247.699.728**	**69.568.957**

10. Chi phí phải trả

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ATS RISEWIN Việt Nam	6.335.993	120.732.091

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Công ty CP Đầu tư thương mại và Năng lượng Việt Nam	20.000.000	-
Chi phí phải trả khác	5.880.000	26.291.259
Cộng	**32.215.993**	**147.023.350**

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Kinh phí công đoàn	49.315.167	47.819.167
Bảo hiểm xã hội	-	52.020.000
Bảo hiểm y tế	-	9.180.000
Bảo hiểm thất nghiệp	-	4.816.790
Cộng	**49.315.167**	**113.835.957**

12. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản đặt cọc môi giới mua trái phiếu với Công ty CP Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam với số tiền là 14.183.619.830 đồng, đã được Công ty xóa sổ kế toán theo Quyết định số 01/17/QĐ-HĐQT ngày 30/06/2017 của Hội đồng quản trị do không có khả năng thu hồi. Khoản nợ được Công ty theo dõi ngoài bảng và tiếp tục nỗ lực để thu hồi công nợ.

13. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Số dư đầu kỳ	1.149.505.515	1.268.815.326
Số tăng trong kỳ	284.716.980.712	127.106.718.189
Số giảm trong kỳ	(284.337.083.402)	(127.081.786.020)
Số dư cuối kỳ	1.529.402.825	1.293.747.495

14. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	**30.805.961**	**500.367.935.967**	**30.799.573**	**310.910.897.414**
Cổ phiếu niêm yết	***904.044***	***9.667.935.967***	***899.573***	***11.910.897.414***
Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá	-	-	45.099	2.705.484.585
PNJ	-	-	*15.340*	*1.368.288.195*
VPB	-	-	*16.327*	*655.823.193*
CVN	-	-	*5.800*	*69.600.000*
Các cổ phiếu khác	-	-	*7.632*	*611.773.197*
Cổ phiếu niêm yết khác	904.044	9.667.935.967	854.474	9.205.412.829

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Cổ phiếu không niêm yết	***29.900.000***	***299.000.000.000***	***29.900.000***	***299.000.000.000***
Công ty CP Sara Vũng Tàu	2.500.000	25.000.000.000	2.500.000	25.000.000.000
Công ty CP Đầu tư bệnh viện sara	8.500.000	85.000.000.000	8.500.000	85.000.000.000
Công ty CP Đầu tư LOU	8.300.000	83.000.000.000	8.300.000	83.000.000.000
Công ty CP Kanpeki Nhật Bản	6.000.000	60.000.000.000	6.000.000	60.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Đông Sơn	4.600.000	46.000.000.000	4.600.000	46.000.000.000
Trái phiếu không niêm yết	***1.917***	***191.700.000.000***	-	-
Công ty CP Capella Quảng Nam	577	57.700.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	1.340	134.000.000.000	-	-
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	**221.680**	**3.509.692.232**	**204.942**	**3.771.326.381**
Cổ phiếu niêm yết	***219.180***	***3.459.692.232***	***202.442***	***3.721.326.381***
Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá	5.350	369.057.561	13.351	560.524.732
NCT	*2.150*	*239.141.748*	*2.150*	*239.141.748*
TLG	*3.200*	*129.915.813*	*3.200*	*129.915.813*
Các cổ phiếu khác	-	-	*8.001*	*191.467.171*
Cổ phiếu niêm yết khác	213.830	3.090.634.671	189.091	3.160.801.649
Cổ phiếu không niêm yết	***2.500***	***50.000.000***	***2.500***	***50.000.000***
Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	2.500	50.000.000	2.500	50.000.000
Cộng	**31.027.641**	**503.877.628.199**	**31.004.515**	**314.682.223.795**

15. Các khoản phải thu của Nhà đầu tư ủy thác

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu tiền đã bán cổ phiếu	-	40.000.000.000
Phí quản lý	13.875.036	41.448.858
Phải thu tiền cổ tức	3.225.000	3.036.000
Phải thu lãi dự thu trái phiếu	4.630.880.841	-
Phải thu khác	40.000.000.000	1.256.703
Cộng	**44.647.980.877**	**40.045.741.561**

16. Các khoản phải trả của Nhà đầu tư ủy thác

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả tiền thuế	17.399.619	25.867.975
Phải trả phí Quản lý	1.347.600.252	1.513.849.696

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Phải trả phí thưởng	819.464.690	819.464.690
Phải trả phí lưu ký cố định, phải trả cho VSD	358.615.369	176.450.501
Phải trả khác	3.448.862	37.903
Cộng	**2.546.528.792**	**2.535.670.765**

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

1. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Doanh thu		
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	235.010.261	123.529.301
Doanh thu từ phí thưởng hoạt động	423.702.142	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	144.750.000	-
Doanh thu khác	3.027.500.000	-
Cộng	**3.830.962.403**	**123.529.301**

2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh	1.528.588.191	1.317.266.818
Cộng	**1.528.588.191**	**1.317.266.818**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	315.328	379.222
Lãi đầu tư tài chính	301.526.460	11.990.419
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.000	8.000
Cộng	**301.850.788**	**12.377.641**

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lỗ bán chứng khoán	-	3.518.046.111
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(691.899.240)	(1.978.710.000)
Chi phí tài chính khác	5.925.960	29.739.033
Cộng	**(685.973.280)**	**1.569.075.144**

Mẫu số B 09a - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	1.964.815.751	(3.760.622.860)
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	35.003.566	120.377.000
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	(1.999.819.317)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(3.640.245.860)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch HĐQT
Ông Cao Hoài Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tạm ứng	**55.697.346**	**6.796.760.519**
Ông Nguyễn Hải Dương	55.697.346	-
Ông Cao Hoài Thanh	-	6.796.760.519

Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lương thưởng, phụ cấp các thành viên chủ chốt	555.782.841	511.799.628
Cộng	**555.782.841**	**511.799.628**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	12.680.579.471	4.183.208
Vốn chủ sở hữu	25.947.839.564	23.983.023.813

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.1.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.680.579.471	4.183.208
Các khoản đầu tư tài chính	9.111.627.637	11.410.401.937
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác	2.252.299.083	4.254.928.983
Cộng	**24.044.506.191**	**15.669.514.128**
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	64.581.892	127.785.957
Chi phí phải trả	32.215.993	147.023.350
Cộng	**96.797.885**	**274.809.307**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Mẫu số B 09a - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2021	**Dưới 1 năm**	**Từ 1 - 5 năm**	**Cộng**
	VND	**VND**	**VND**
Phải trả người bán và phải trả khác	64.581.892	-	**64.581.892**
Chi phí phải trả	32.215.993	-	**32.215.993**
01/01/2021	**Dưới 1 năm**	**Từ 1 - 5 năm**	**Cộng**
	VND	**VND**	**VND**
Phải trả người bán và phải trả khác	127.785.957	-	**127.785.957**
Chi phí phải trả	147.023.350	-	**147.023.350**

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.680.579.471	-	**12.680.579.471**
Các khoản đầu tư tài chính	9.111.627.637	-	**9.111.627.637**
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác	2.252.299.083	-	**2.252.299.083**

01/01/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.183.208	-	**4.183.208**
Các khoản đầu tư tài chính	11.410.401.937	-	**11.410.401.937**
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác	4.254.928.983	-	**4.254.928.983**

4. Những thông tin khác

4.1 Phải thu của khách hàng

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ATS RISEWIN Việt Nam	-	1.900.000.000
Công ty CP Petro Times	49.500.000	-
Cộng	**49.500.000**	**1.900.000.000**

4.2 Trả trước cho người bán

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Nhà đẹp Châu Á	565.000.000	565.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam	25.000.000	27.500.000
Công ty TNHH Xây dựng & Phát triển thương hiệu Việt Nam	23.100.000	23.100.000
Cộng	**613.100.000**	**615.600.000**

4.3 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí bảo trì phần mềm	3.178.500	-
Cộng	**3.178.500**	**-**

4.4 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tạm ứng	*395.777.189*	*6.874.758.519*
Cao Hoài Thanh	-	6.796.760.519

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Tống Thị Huệ	202.850.000	-
Nguyễn Hải Dương	55.697.346	-
Nguyễn Thị Huyền Trang	59.213.534	-
Các đối tượng khác	78.016.309	77.998.000
Cầm cố ký quỹ, ký cược	***1.108.508.222***	***1.108.508.222***
Công ty TNHH Thương mại và DV ATS Risewin Việt Nam	1.108.208.222	1.108.208.222
Công ty TNHH Đại Việt	300.000	300.000
Cộng	**1.504.285.411**	**7.983.266.741**

4.5 *Phải trả người bán*

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP Thương mại bưu chính và Chuyển phát nhanh Việt	1.686.725	-
Công ty TNHH Thương mại GVS Việt Nam	1.280.000	-
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Phúc Nguyên	12.300.000	13.950.000
Cộng	**15.266.725**	**13.950.000**

4.6 *Người mua trả tiền trước*

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP Xây dựng sản xuất và Thương mại Đại Sàn	38.500.000	38.500.000
Cộng	**38.500.000**	**38.500.000**

4.7 *Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn*

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Phí quản lý đầu tư	136.959.472	111.087.609
Cộng	**136.959.472**	**111.087.609**

4.8 *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	490.483.474	371.128.681
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	11.907.296	91.783.600
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.402.165	377.741.769
Chi phí khác bằng tiền	101.686.028	70.156.790
Cộng	**1.305.478.963**	**913.810.840**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4.9 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Phí rút vốn trước hạn của khách hàng	3.240.000	-
Cộng	**3.240.000**	**-**

4.10 Chi phí khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí khác	23.143.566	96.377.000
Cộng	**23.143.566**	**96.377.000**

4.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.964.815.751	(3.760.622.860)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.964.815.751	(3.760.622.860)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	785,93	(1.504,25)

5. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do Công ty lập, đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hương Giang	Dư Đức Ninh	Cao Hoài Thanh